TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ** Số: 57/2023/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Thạch Thành, ngày 24 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2023/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; Sinh năm: 1987

HKTT: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Cao Tôn T; Sinh năm: 1983

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị T và anh Cao Tôn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Bảo A, sinh ngày 08/7/2015 và Cao Bảo N, sinh ngày 03/7/2017. Sau khi ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo N, anh Thanh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T và anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị T tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2021/0008132 ngày 05/10/2023. Chị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc